

Số: *31* /2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *13* tháng *12* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phương thức chi trả, mức chi phí chi trả chính sách
trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 854/TTr-SLĐTBXH ngày 16 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phương thức chi trả, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội

1. Phương thức chi trả: Chi trả chính sách trợ giúp xã hội qua tài khoản thanh toán của đối tượng thụ hưởng, người giám hộ hoặc người được ủy quyền.

2. Các chính sách trợ giúp xã hội chi trả qua tổ chức dịch vụ chi trả

a) Chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.

b) Chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp đối với các hỗ trợ bằng tiền và trợ giúp xã hội một lần.

Điều 4. Mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội

1. Mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội bằng 0,7% tổng số kinh phí chi trả trợ giúp xã hội.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định phân bổ tỷ lệ cụ thể chi phí phục vụ công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội, bao gồm chi cho việc thuê dịch vụ chi trả và chi phí chi cho các cơ quan tổ chức thực hiện công tác chi trả cấp huyện, cấp xã, đảm bảo phù hợp với điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương.

2. Chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm, được giao trong dự toán hàng năm cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, quy định về phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Thái Nguyên và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Thái Nguyên căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội; chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả về việc mở, sử dụng tài khoản thanh toán của đơn vị, thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng.

b) Theo dõi, kiểm tra đơn vị chi trả chính sách trợ giúp xã hội đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định một số nội dung về trợ cấp, trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước Thái Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Thái Nguyên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiến